TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 05-5-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Be;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 03/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021, của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp A, xã T huyện M, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Mạnh K, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị S – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị và anh K chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, chị và

anh K sống tự lập một thời gian, đến năm 2018 thì chuyển về sống chung với cha mẹ chồng tại ấp B, xã B (nay là xã P), thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K thường xuyên uống rượu, bia, về đánh chị và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Ngày 01-01-2020, anh K đánh và đuổi chị đi nên vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân, chị có quay về đặt vấn đề đoàn tụ nhưng anh K không đồng ý mà đuổi chị đi và giành bắt hai con chung. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung tên Trần Tường V, sinh ngày 18-3-2018 và Trần Mạnh C, sinh ngày 27-8-2019, hiện hai con đang sống chung với anh K. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con chung yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Mạnh K trình bày:

Anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị S về thời gian chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh không đồng ý với chị S; cụ thể: Đầu năm 2020, do chị S muốn đưa hai con về quê ở Bến Tre chơi nhưng anh không đồng ý vì con còn quá nhỏ nên chị S tự ý bỏ nhà đi từ ngày 01-01-2020 đến nay. Anh không uống rượu, bia rồi về đánh, đuổi chị S đi, cũng không có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác như chị S trình bày. Nay anh chấp nhận ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Trần Tường V, sinh ngày 18-3-2018 và Trần Mạnh C, sinh ngày 27-8-2019, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 03/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021, của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Trần Mạnh K.

- Về con chung: Giao anh Trần Mạnh K tiếp tục trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Tường V, sinh ngày 18-3-2018 và Trần Mạnh C, sinh ngày 27-8-2019. Ghi nhận anh K không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 09-02-2021, chị Nguyễn Thị S kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng giao cho chị S được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị S. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị S đúng quy định của pháp luật, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Anh Trần Mạnh K là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị S, về quyền trực tiếp nuôi hai con chung, thấy rằng:

Hai con chung hiện đang được anh K và cha mẹ anh K chăm sóc hai cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Trong khi đó, chị S cũng thừa nhận chị không còn cha, mẹ, không có nhà ở ổn định, phải sống chung với các anh chị em ruột khác trên căn nhà của cha mẹ để lại và thu nhập của chị không đủ để nuôi hai con. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu và đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng cháu V và cháu C là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị S kháng cáo cho rằng anh K thường xuyên uống rượu bia, cha mẹ anh K già yếu, sống phụ thuộc vào các con nên không phụ giúp chăm sóc hai cháu được; còn thu nhập hàng tháng của chị từ công việc bán vé số là 9.000.000 đồng/tháng, có anh chị em ruột phụ giúp, có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng

con nhưng chị không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[3] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị S; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp kháng cáo của chị Nguyễn Thị S; Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 03/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021, của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Trần Mạnh K.

2. Về con chung: Giao anh Trần Mạnh K tiếp tục trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Tường V, sinh ngày 18-3-2018 và Trần Mạnh C, sinh ngày 27-8-2019; ghi nhận anh K không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0014785 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Tây Ninh, chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0015132 ngày 09 tháng 02 năm 2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Tây Ninh; chị S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lâm Văn Be